

PHỤ LỤC 01:

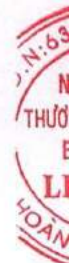
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình số: /2021/TTr-HĐQT ngày / /2021 của Hội đồng Quản trị)

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
1.	<p>Điều 1. Giải Thích từ ngữ và viết tắt</p> <p>Khoản 1: Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:</p> <p>y. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</p>	<p>Điều 1. Giải Thích từ ngữ và viết tắt</p> <p>Khoản 1: Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:</p> <p>y. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(iv) Cá nhân với vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người này;</p>	<p>Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p>



STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
2.	<p>Điều 1. Giải Thích từ ngữ và viết tắt</p> <p>Khoản 1: Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:</p> <p>z. Pháp luật là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản Pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến các hoạt động ngân hàng.</p> <p>aa. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.</p>	<p>Điều 1. Giải Thích từ ngữ và viết tắt</p> <p>Khoản 1: Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:</p> <p>z. Pháp luật là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản Pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến các hoạt động ngân hàng.</p> <p>aa. Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p> <p>bb. Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.</p> <p>cc. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p>	<p>Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021 (Luật Doanh nghiệp 2020), thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.</p> <p>Cập nhật khái niệm giấy tờ pháp lý của cá nhân, giấy tờ pháp lý của tổ chức theo quy định tại khoản 16, 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>



STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
3.	Điều 2. Thông tin về Ngân hàng 6. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: Bảng số: 9.769.483.190.000 đồng. Bảng chữ: Chín nghìn bảy trăm sáu mươi chín tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng.	Điều 2. Thông tin về Ngân hàng 6. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: Bảng số: 10.746.389.150.000 đồng. Bảng chữ: Mười nghìn bảy trăm bốn mươi sáu tỷ ba trăm tám mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng.	Cập nhật thông tin về vốn điều lệ của Ngân hàng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
4.	Điều 24. Tỷ lệ sở hữu cổ phần 6. Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành liên quan.	Điều 24. Tỷ lệ sở hữu cổ phần 6. Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành liên quan. Trong từng thời kỳ, ĐHĐCĐ quyết định điều chỉnh tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
5.	<p>Điều 25. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>[...]</p> <p>f. Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng;</p> <p>[...]</p> <p>h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>Điều 25. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>[...]</p> <p>f. Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng;</p> <p>[...]</p> <p>h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
6.	Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông 2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông 2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020
7.	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 1. Cổ đông có các quyền sau đây: c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Ngân hàng;	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 1. Cổ đông có các quyền sau đây: c. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Ngân hàng;	Điểm c khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020
8.	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có thêm các quyền sau: a. Đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát; b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong những trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này;	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây: a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan	Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>	

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
9.	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;</p> <p>b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;</p> <p>e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;</p>	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;</p> <p>b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỉ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</p>	<p>Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.	d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.	
10.	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>5. Việc đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện trước khi họp ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ thủ tục quy định tại Điều 51 của Điều lệ này. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do ĐHĐCĐ quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm.</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối</p>	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được</p>	<p>Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT/Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT/Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT/Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT/Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
11.	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau:</p> <p>c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát (Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát).</p>	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau:</p> <p>c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát (Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát nếu</p>	<p>Khoản 3 Điều 117 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).	
12.	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 7 Điều 28 Quyền của cổ đông Ngân hàng</p> <p>7. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau:</p> <p>a. Tự mình hoặc nhân danh Ngân hàng khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>i) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Ngân hàng theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>ii) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</p>	Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020

530
NG
ƯỚNG
BU
LI
i/vk

la

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		<p>iii) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>iv) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>b. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Ngân hàng được tính vào chi phí của Ngân hàng, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>c. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>	
13.	Không quy định	<p>Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 29 Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>i. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và</p>	Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	
14.	Điều 30. Đại hội đồng cổ đông 2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây: s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan.	Điều 30. Đại hội đồng cổ đông 2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây: s. Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan.	Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020. Khoản 1 Điều 57 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
15.	Điều 31. Thâm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh	Điều 31. Thâm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 3. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.

186
IÀN
I CỐ
IỆ
VII
-1

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	doanh có thể gia hạn thời hạn họp ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây	ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:	
16.	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 4. ĐHĐCĐ họp bất thường theo triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ 4. ĐHĐCĐ họp bất thường theo triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.	Điều 115 Luật DN 2020 và Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
17.	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 7. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 7. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ	Luật Doanh nghiệp 2020 không quy định nội dung này.

38-C
G
PHÂN
T
P.H.P

de

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
18.	Điều 32. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 30 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	Điều 32. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
19.	Điều 33. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.	Điều 33. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:	Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.	
20.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc . Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
21.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 3. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu sau: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 3. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu sau: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	b. Phiếu biểu quyết. e. Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp.	b. Phiếu biểu quyết.	
22.	<p>Điều 35: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp thông qua một trong các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì có thể ủy quyền cho một (một số) người dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền</p>	<p>Điều 35: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông</p>	Khoản 1, 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Chữ ký của người ủy quyền phải được đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu tổ chức thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>phải xác định cụ thể số Cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được</p>	

3300
 NGÃ
 SÔNG
 BÙI
 TIÊN
 N KIẾ

Handwritten mark

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		ủy quyền dự họp. Chữ ký của người ủy quyền phải được đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu tổ chức thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền; c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.	
23.	Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

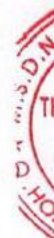
STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
24.	<p>Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
25.	<p>Điểm c khoản 6 Điều 38:</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích lấy ý kiến;</p>	<p>Điểm c khoản 6 Điều 38:</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;</p>	<p>Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

363
 ỨNG
 CỔ P
 Ệ N
 IỆ
 T.P

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung à là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>(iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức và họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;</p> <p>(vii) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng.</p>	<p>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(vi) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	
26.	<p>Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau:</p>	<p>Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau:</p>	<p>Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (ix) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (ix) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	
27.	Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau: c. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;	Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau: c. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;	Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.
28.	Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định</p> <p>[...]</p>	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp:</p> <p>a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm ng nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>[...]</p>	



Handwritten signature or mark.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
29.	Không quy định	Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Bổ sung khoản 6: Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020.
30.	Điều 54. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 3. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát: a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định mức tổng thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;	Điều 54. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc 3. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát: a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao, tiền lương và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định mức tổng thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;	Khoản 1 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020

63
 N
 ƯỚC
 B
 LI
 4N

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
31.	Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị 24. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.	Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị 24. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền.	Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 Khoản 1 Điều 57 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
32.	Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này.	Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT 11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.

000
 AN
 G M
 SU
 N
 TIEN

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	
33.	Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị Chưa có quy định	Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị 10. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; 11. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; 12. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.	Bổ sung khoản 10, 11, 12 theo quy định tại Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Bổ sung khoản 13 theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		13. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do HĐQT quy định.	
34.	Điều 58. Hội đồng Quản trị 8. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT: d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;	Điều 58. Hội đồng Quản trị 8. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT: d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;	Cập nhật điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020
35.	Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau: a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức	Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau: a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình	Khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (viii) Các quyết định đã được thông qua; (ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản , trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.. b. Chủ tọa, thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	
36.	Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 2. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.	Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.
37.	Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	Khoản 1 Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP



la

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung à là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.	1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát k) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các văn bản khác của Ngân hàng.	
38.	Điều 76. Công khai báo cáo tài chính 2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Ngân hàng phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Chứng khoán năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung.	Điều 76. Công khai báo cáo tài chính 2. Ngân hàng công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Điều 120 Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
39.	Không quy định	Bổ sung khoản 7 Điều 79. Kiểm toán độc lập 7. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài	Khoản 1 Điều 57 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.	
40.	Điều 87. Giải thể Ngân hàng 3. Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.	Điều 87. Giải thể Ngân hàng 3. Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.	Điểm d khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020.
41.	Cụm từ “địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân” và “tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức” tại các điều khoản sau: - Điểm d khoản 1 Điều 25 - Tiết (iii) điểm b khoản 4 Điều 26 - Điểm b khoản 6 Điều 26 - Điểm d khoản 1 Điều 27 - Điểm c khoản 3 Điều 28 - Khoản 2 Điều 32	Chỉnh sửa thành cụm từ “địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân” và “tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.”	Tổng nhất nội dung toàn Điều lệ, phù hợp với quy định tại khoản 16, 17 Điều 2 Luật Doanh nghiệp 2020
42.	Cụm từ “trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu)	Lược bỏ	Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020

486
HÀN
CỔ
DIỆP
VII
1-1

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	tháng” tại các điều khoản: - Điểm r khoản 1 Điều 1 - Điểm f khoản 2 Điều 58		
43.	Điều 90. Ngày hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua ngày 15/9/2020 , và thay thế Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25/06/2020.	Điều 90. Ngày hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua ngày .../.../2021 , và thay thế Điều lệ của Ngân hàng có hiệu lực kể từ ngày 15/9/2020.	Cập nhật thông tin sửa đổi Điều lệ



Handwritten signature or mark.